

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HS-ST
Ngày 20-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bê

2. Bà Trần Thị Nơi

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thị D, sinh ngày 12 tháng 8 năm 1989, tại xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; con ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ 4; bị cáo có chồng đã ly hôn; có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang mang thai, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18-12-2019. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Ngọc H, sinh ngày 20-9-2002

- Người đại diện hợp pháp cho anh H: Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1979 là bố đẻ anh H.

Đều cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (đều vắng mặt)

- Những người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm 1990, nơi cư trú: Đường L, phường N, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

2. Anh Đào Xuân Đ, sinh năm 1996, nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, vắng mặt

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1970, nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11 năm 2019, chị Nguyễn Quỳnh T về nhà mẹ đẻ là bà Lại Thị H ở thôn B, xã H chơi, Lê Thị D là bạn của chị T sang chơi. Do điện thoại hết tiền nên D mượn điện thoại của chị T và đi ra ngoài gọi điện cho một người đàn ông là người nghiện ma túy để tìm hiểu về giá mua, bán ma túy đá (Methamphetamine) với mục đích để mua ma túy về bán kiếm lợi nhuận. Sau đó D trả điện thoại cho chị T và bảo “Đạo này chị đang tập bán hàng onlie, nếu có ai gọi điện thoại đến số điện thoại của em hỏi mua hàng, là đàn ông thì em bảo họ cứ đến thôn B, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình hỏi đường vào nhà D và đứng chờ ở chỗ cột điện gần nhà, gọi điện cho chị mang hàng ra bán, chứ nếu họ vào nhà thì sợ người yêu của chị biết không hay”. Đến đầu tháng 12 năm 2019, D gặp và mua 01 gói ma túy của một người phụ nữ khoảng 35 tuổi (D không biết tên tuổi, địa chỉ) ở đầu cầu Triều Dương thuộc địa phận xã Thiện Phấn, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên với giá 400.000 đồng, sau đó chia gói ma túy trên thành 03 gói nhỏ, mục đích bán kiếm lời. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 15-12-2019, Trần Ngọc H gọi điện thoại từ số thuê bao 0356055046 của H đến số thuê bao 0982763513 của chị T hỏi “Chị ơi, có hàng bán cho em quả ba”. Chị T gọi điện thoại cho D nói “Chị ơi, có người hỏi mua hàng của chị, họ bảo mua quả ba, em bảo họ cứ xuống B, H hỏi vào nhà chị, chờ ở chỗ cột điện gần nhà rồi có người ra”. Sau đó, D cầm theo 01 gói ma túy, loại Methamphetamine trong lòng bàn tay trái rồi đi xe máy Yamaha Novou biển kiểm soát 17B3-198.52 ra chỗ cột điện, khu vực đường ĐH64 thuộc địa phận thôn B, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, gặp H và người thanh niên đi cùng, (H không biết họ, tuổi, địa chỉ cụ thể, chỉ biết tên H ở huyện Quỳnh Phụ). D dừng xe, H đi bộ về phía D, hỏi “Chị bán cho em 300.000 nghìn” và đưa cho D 500.000 đồng. D cầm tiền và trả lại H 200.000 đồng rồi đưa gói ma túy, loại (Methamphetamine) cho H. Số ma túy trên, H và H sử dụng hết, còn túi đựng, H cất vào túi quần bên phải phía trước đang mặc.

Đến 13 giờ 35 phút ngày 15-12-2019, H tiếp tục điện thoại cho chị T nói “Chị ơi, chị bán cho e quả ba nữa”. T nói với H “Em cứ xuống B, xã H hỏi vào nhà chị D rồi có người ra”. T gọi điện cho D “Chị ơi người sáng nay lại gọi điện hỏi mua quả ba, em bảo họ cứ xuống nhà chị rồi chị ra”. Sau đó, D mang theo 02 gói ma túy, loại Methamphetamine để trong hai bên hộc để đồ phía trước của xe máy Yamaha Novou biển kiểm soát 17B3-198.52 đi ra đoạn đường ĐH 64 thuộc địa phận thôn B, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình gặp H và Đào Xuân Đ. D dừng xe, H xuống xe đi lại chỗ D, đưa cho D 01 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng, D nhận tiền và đang thò tay vào hộc đựng đồ phía trước bên phải xe máy lấy gói ma túy bán cho H thì bị Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt quả tang. Kiểm tra, thu giữ của Lê Thị D tại hộc để đồ của xe máy phía trước bên phải 01 gói ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0223 gam (ký hiệu M1) và tại hộc để đồ của xe máy phía trước bên trái 01 gói ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0290 gam (ký hiệu M2); thu giữ của Trần Ngọc H tại túi quần bên phải phía trước 01 gói nilon bên trong có bám dính các hạt tinh

thể ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng (ký hiệu M3). Ngoài ra, Công an huyện Hưng Hà còn thu giữ, quản lý của D số tiền 1.261.000 đồng, trong đó có 500.000 đồng là số tiền H vừa đưa cho D để mua ma túy; 01 điện thoại di động Nokia màu xanh đã cũ; 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 17B3-198.52, 01 đăng ký xe; quản lý của H 01 điện thoại Nokia màu đen đã qua sử dụng.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Thị D tại thôn B, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, thu giữ: 01(một) đoạn ống nhựa dạng ống hút đều có kẻ sọc màu cam một đầu vát nhọn, một đầu gắn kín; 13 túi nilon kích thước 4x7,5 cm; 244 túi ni lon kích thước 1,5x2 cm.

Tại Bản kết luận giám định số 467/KLGD-PC09 ngày 17-12-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: Mẫu gửi giám định (M1) là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 0,0223 gam. Mẫu gửi giám định (M2) là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 0,0290 gam. Mẫu gửi giám định (M3) là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng không xác định được (do mẫu quá ít).

Methamphetamine STT:323, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Bản cáo trạng số 38/CT-VKSHH ngày 03-4-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Lê Thị D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án và nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giữ quyền công tố, sau khi phân tích nội dung vụ án, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Thị D như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thị D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm n, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị D từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày Lê Thị D đi chấp hành án; về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước; áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu để tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy thu của bị cáo Lê Thị D và Trần Ngọc H là vật chứng của vụ án, sau khi giám định (ký hiệu M1, M2 và M3) được niêm phong trong phong bì số 467/KLGD- PC09 ngày 17-12-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; 01(một) đoạn ống nhựa dạng ống hút đều có kẻ sọc màu cam một đầu vát nhọn, một đầu gắn kín; 13 túi nilon kích thước 4x7,5 cm; 244 túi ni lon kích thước 1,5x2 cm. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 600.000 đồng. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước gồm: 01 điện thoại di động Nokia màu xanh thu của bị cáo D, 01 điện thoại Nokia màu đen thu của H. Trả lại anh Trần Ngọc H số tiền 200.000 đồng. Trả lại bị cáo: 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 17B3-198.52, 01 đăng ký xe biển kiểm

soát 17B3-198.52 và số tiền 461.000 đồng nhưng tuyên tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Anh H, ông H và những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Lời khai của bị cáo Lê Thị D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình lập ngày 15-12-2019; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường do Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình lập hồi 08 giờ ngày 28-12-2019; Bản kết luận giám định số 467/KLGD-PC09 ngày 17-12-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Biên bản kiểm tra điện thoại của chị Nguyễn Quỳnh T, Lê Thị D và anh Trần Ngọc H; Biên bản ghi lời khai của anh Trần Ngọc H, chị Nguyễn Quỳnh T, anh Đào Xuân Đ và ông Nguyễn Văn T và toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 15-12-2019, tại khu vực đường ĐH64 thuộc địa phận thôn B, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Bị cáo Lê Thị D đã có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy, loại Methamphetamine cho Trần Ngọc H với giá 300.000 đồng. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, tại địa điểm trên, bị cáo Lê Thị D có hành vi bán trái phép 0,0223 gam ma túy, loại Methamphetamine cho Trần Ngọc H với giá 300.000 đồng và tàng trữ trái phép 0,0290 gam ma túy, loại Methamphetamine, mục đích để bán. Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị D đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Điều luật quy định như sau:

“Điều 251: Tội mua bán trái phép chất ma túy

“1. ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) ...;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà truy tố bị cáo Lê Thị D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà bị cáo Lê Thị D thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, hủy hoại sức khỏe của người sử dụng, ảnh hưởng đến giống nòi và còn là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc loại tội rất nghiêm trọng. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ về hành vi của mình nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần phải lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy: Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo là phụ nữ có thai nên được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Từ các nhận xét trên, Hội đồng xét xử thấy: Cần áp dụng một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời góp phần phòng ngừa chung. Tuy nhiên bị cáo đang mang thai nên cần xem xét áp dụng mức hình phạt khi lượng hình đối với bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự.

[6] Bị cáo bán ma túy, có mục đích vụ lợi do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với quy định.

[7] Về nguồn gốc ma túy, bị cáo Lê Thị D khai: Vào đầu tháng 12 năm 2019, D gặp và mua của một người phụ nữ khoảng 35 tuổi ở đầu cầu Triều Dương thuộc địa phận xã Thiện Phấn, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Ngoài lời khai của bị cáo Dân không có tài liệu, chứng cứ nào khác xác định con người cụ thể đã bán ma túy cho Dân nên nên không có căn cứ xử lý trong vụ án này.

[8] Đối với chị Nguyễn Quỳnh T, khi Trần Ngọc H điện thoại hỏi “Chị ơi, có hàng bán cho em quả ba” và “Chị ơi, chị bán cho e quả ba nữa”, T cho rằng D mua bán hàng hoa quả qua mạng (online) nên chị T chỉ H đến thôn B, xã H,

huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình gặp D. Sau đó, T điện thoại cho Lê Thị D nói lại nội dung trên. Chị T không biết việc D và H giao dịch mua bán ma túy, không được hưởng lợi gì từ việc mua bán ma túy trên nên chị T không đồng phạm với Lê Thị D.

[9] Đối với hành vi tàng trữ trái phép 0,0223 gam ma túy, loại Methamphetamine của Trần Ngọc H, mục đích để sử dụng. Xét thấy H chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án về tội quy định tại Điều 249 hoặc một trong các tội quy định tại các Điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật Hình sự, lượng ma túy tàng trữ chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt hành chính đối với H là phù hợp.

[10] Đối với anh Đào Xuân Đ là người điều khiển xe máy chở H đến địa điểm mua ma túy. Tuy nhiên, khi đi anh Đ không biết việc H đi mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình không xử lý đối với anh Đ là đúng quy định của pháp luật.

[11] Về vật chứng của vụ án: Toàn bộ số ma túy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thu giữ, quản lý của bị cáo Lê Thị D, và Trần Ngọc H sau khi giám định, số còn lại được niêm phong trong phong bì (M1, M2 và M3) số 467/KLGD- PC09 ngày 17-12-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình cần tịch thu để tiêu hủy; 01(một) đoạn ống nhựa dạng ống hút đều có kẻ sọc màu cam một đầu vát nhọn, một đầu gắn kín; 13 túi nilon kích thước 4x7,5 cm; 244 túi ni lon kích thước 1,5x2 cm là những vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; Số tiền 1.261.000 đồng thu của bị cáo D, quá trình điều tra xác định trong đó có 300.000 đồng là số tiền mà bị cáo bán ma túy cho anh H vào buổi trưa và 300.000 đồng bị cáo bán ma túy cho anh H vào buổi chiều (anh H đưa cho bị cáo 500.000 đồng, bị cáo chưa trả lại 200.000 đồng tiền thừa cho anh H thì bị bắt quả tang). Đây là số tiền bán ma túy mà có nên cần tịch thu 600.000 đồng này để nộp ngân sách nhà nước. Đối với 200.000 đồng còn lại xác định là tiền của cá nhân anh H, vì vậy cần trả lại anh Trần Ngọc H. Số tiền 461.000 đồng là của cá nhân bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội vì vậy cần tuyên trả lại cho bị cáo nhưng tuyên tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với 02 chiếc điện thoại: 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu xanh thu của bị cáo D, 01 điện thoại Nokia màu đen thu của H đây là điện thoại bị cáo và anh H dùng để liên lạc mua bán ma túy vì vậy cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước. Đối với 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 17B3-198.52, 01 đăng ký xe biển kiểm soát 17B3-198.52, mặc dù bị cáo dùng chiếc xe máy này để đi bán ma túy cho anh H nhưng là phương tiện đi lại của cả gia đình bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo chiếc xe máy và 01 đăng ký xe biển kiểm soát 17B3-198.52.

[12] Về án phí: Bị cáo Lê Thị D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm n, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị D 07(bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày Lê Thị D đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Lê Thị D 5.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ gồm: 0,0028 gam (Không phải không nghìn không trăm hai mươi tám gam) ma túy còn lại mẫu vật gửi giám định ký hiệu M1; 0,0051 gam (Không phải không nghìn không trăm năm mươi một gam) ma túy còn lại mẫu vật gửi giám định ký hiệu M2 và mẫu vật gửi giám định thu của Trần Ngọc H ký hiệu M3 cùng toàn bộ bao gói được niêm phong trong phong bì số 467/KLGD- PC09 ngày 17-12-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; 01(một) đoạn ống nhựa dạng ống hút đều có kẻ sọc màu cam một đầu vát nhọn, một đầu gắn kín; 13 túi nilon kích thước 4x7,5 cm; 244 túi ni lon kích thước 1,5x2 cm. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 600.000 đồng. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước gồm: 01 điện thoại di động Nokia màu xanh đã qua sử dụng thu của bị cáo Dân, 01 điện thoại Nokia màu đen đã qua sử dụng thu của Trần Ngọc H. Trả lại anh Trần Ngọc H số tiền 200.000 đồng. Trả lại bị cáo: 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 17B3-198.52, 01 đăng ký xe biển kiểm soát 17B3-198.52 và số tiền 461.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Toàn bộ vật chứng của vụ án hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10-4-2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Thị D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Ngọc H và ông Trần Ngọc H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà;
- Công an huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Bích Thủy

